

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 80/2017/HNGĐ-ST

Ngày 09-8-2017.

V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Đức.

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Như Nguyễn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 388/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2017, về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Phương U, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: Ấp C, xã GB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Thành P, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: Ấp PH, xã GB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 6 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Phương U trình bày:

Vợ chồng chị tự nguyện sống chung vào tháng 9 năm 2014, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã GB, huyện TB. Sau khi cưới, chị về làm dâu bên chồng. Vợ chồng sống chung nhà với cha chồng tại ấp PH, xã GB, huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Chị làm công nhân còn anh P là nhân viên công tác tại huyện Gò Dầu. Khi chị mang thai được 05 tháng thì giữa cha chồng và anh P xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cha chồng đuổi chị và anh P ra khỏi nhà. Vợ chồng về nhà cha mẹ ruột chị sống tại ấp C, xã GB, huyện TB. Trong thời gian sống chung, khi

chị sinh con được 07 tháng thì vợ chồng có gây gổ với nhau nên anh P đánh chị bị sưng mắt, chảy máu miệng, nên chị có nộp đơn yêu cầu ly hôn tại Tòa án. Sau đó, anh P năn nỉ nên chị rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Vợ chồng chung sống lại đến tháng 12/2016 phát sinh mâu thuẫn dẫn đến anh P có dùng cây đuổi đánh chị, anh P bỏ về nhà cha ruột sống nhưng chỉ vài ngày thì anh P lại đến nhà chị dùng những lời lẽ thô tục chửi chị và cha mẹ chị. Ngoài ra, anh P còn ghen tuông vô cớ, mỗi lần gây gổ anh P thường dùng tay bóp cổ chị. Vợ chồng ly thân khoảng 07 tháng nay. Trong thời gian ly thân, anh P không có thiện chí hàn gắn mà còn thường xuyên xúc phạm danh dự chị.

Về con chung: có 01 con chung tên Lê Ngọc Trâm A, sinh ngày 30/5/2015, hiện đang sống với chị.

Về tài sản chung: 01 xe tay ga, 1,3 cây vàng 24k và tiền mặt 18.000.000 đồng. Trong thời gian chị nghỉ hậu sản chồng không phụ tiền nuôi con nên chị có bán 03 chỉ vàng để lo chi tiêu cho con. Đối với số tiền 18.000.000 đồng, hiện chỉ còn 10.000.000 đồng vì chị đã cho bà Hiếm (mẹ ruột chị) hết 8.000.000 đồng vì mẹ giữ con cho chị đi làm. Trong thời gian sống ly thân, anh P không phụ tiền nuôi con. Ngoài ra, anh P có tham gia 02 dây hụi 1.000.000 đồng do chị Út làm chủ, hụi sống, nhờ chị Lê Thị Thu H (em chồng) tham gia dùm 01 phần hụi 5.000.000 đồng hụi sống và 01 cổ phần trị giá 10.000.000 đồng.

Về nợ chung: Không có.

Nay chị yêu cầu ly hôn với anh P. Về con chung: yêu cầu tiếp tục nuôi con chung và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Thành P trình bày:

Anh thừa nhận lời trình bày của vợ anh là đúng về thời gian kết hôn, con chung. Anh thừa nhận, trong thời gian chung sống anh có đánh vợ 01 lần. Do vợ chồng tính tình không hợp nhau nên thường xuyên gây gổ, chị U dùng những lời lẽ nặng nề để xúc phạm anh và gia đình. Vợ chồng ly thân 07 tháng nay, anh nhiều lần năn nỉ nhưng chị U không đồng ý đoàn tụ.

Về tài sản chung: 01 xe tay ga mua giá 45.000.000 đồng vào năm 2015; 1,3 cây vàng 24k; tiền mặt 18.000.000 đồng. Trong số tài sản chung, hiện anh đang quản lý sử dụng 01 xe tay ga, còn vàng và tiền chị U giữ.

Về nợ chung: Không có.

Nay anh yêu cầu đoàn tụ. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn, về con chung anh đồng ý giao cho chị U nuôi, đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng; về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị U đối với anh P.

Về con chung: Giao chị U tiếp tục nuôi cháu Trâm A, anh P có nghĩa cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị U và anh P tự nguyện chung sống với nhau năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã GB, huyện TB nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung nhà với cha ruột của anh P. Sau đó, vợ chồng về nhà cha mẹ ruột của chị U sống tại ấp Chánh, xã Gia Bình, huyện Trảng Bàng đến khi phát sinh mâu thuẫn. Trong thời gian chung sống, giữa chị U và anh P thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau. Anh P cũng thừa nhận khi vợ chồng cãi vã anh có đánh chị U dẫn đến vào tháng 01 năm 2016 chị U đã nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh tại Tòa án. Sau đó, vợ chồng hàn gắn chung sống lại nhưng vì tính tình không hợp nhau, mất lòng tin với nhau dẫn đến cãi vã xô xát nên đã tự sống ly thân 07 tháng nay. Mặc dù, anh P cho rằng anh có năn nỉ để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Anh tha thiết yêu cầu đoàn tụ vì còn thương vợ nhưng không đưa ra giải pháp nào để hàn gắn hạnh phúc. Trái lại, anh luôn nghi ngờ chị U không chung thủy. Do đó, cho thấy mâu thuẫn gia đình giữa chị U và anh P đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị U.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Ngọc Trâm A, sinh ngày 30/5/2015, hiện đang sống với chị U. Khi ly hôn, chị U yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, anh P đồng ý giao cháu Anh cho chị U tiếp tục nuôi dưỡng. Hiện cháu A được 27 tháng tuổi. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị U giao cháu Trâm A cho chị U tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị U yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, anh P đồng ý cấp dưỡng. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị U, anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí:

Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì chị U phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì anh P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Phương U đối với anh Lê Thành P.

Chị Nguyễn Phương U được ly hôn anh Lê Thành P.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Phương U được tiếp tục nuôi con chung là cháu Lê Ngọc Trâm A, sinh ngày 30/5/2015.

3. Anh Lê Thành P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

5. Anh P được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

6. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

7. Về án phí:

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Phương U phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0008993 ngày 21/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị U đã nộp đủ án phí.

Anh Lê Thành P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng.

8. Báo cho chị U, anh P biết, được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TA Tây Ninh;
- VKS H.Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H.Trảng Bàng;
- UBND xã Gia Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án卷;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm